

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: **05/2019/KDTM-GĐT**

Ngày 05-6-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có 11 (mười một) thành viên tham gia xét xử, do bà Lê Thị Ngọc Hà – Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng làm Chủ tọa phiên tòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V .

Địa chỉ: 18 T, M, T, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức S - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh L ; ủy quyền lại cho ông Nguyễn Mạnh H - Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh L ; địa chỉ: Tòa nhà số X đường L, thành phố Đ , tỉnh Quảng Bình. Theo văn bản ủy quyền ngày 02/7/2018.

2. *Bị đơn*: Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Đ .

Địa chỉ: Nhà số C, đường B, phường D, thành phố Đ , tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 03/5/2018 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đức S và ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Bà Trần Thị Đ và ông Phạm Văn T vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh L , tại Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: 234/2014/HĐTD ngày 26/8/2014, số tiền được cấp tín dụng tối đa 3.500.000.000 đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng 12 tháng, kể từ ngày 26/8/2014, được gia hạn hợp đồng đến ngày 26/8/2016 theo phụ lục hợp đồng Số:01/2015/PLHĐ-GHHM ngày 21/8/2015. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng 9%/năm; lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% so với lãi suất cho vay trong hạn và được ghi cụ thể trên các giấy nhận nợ.

Vì ông T , bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Đ , ông Phạm Văn T phải trả nợ số tiền tính đến ngày 06/8/2018 là: 4.257.518.751 đồng; trong đó: dư nợ gốc còn đến ngày 06/8/2018 là: 3.100.000.000 đồng; lãi trong hạn: 911.288.890 đồng; lãi quá hạn: 246.229.861 đồng. Từ ngày 07/8/2018 ông T , bà Đ phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số 234/2014/HĐTD ngày 26/8/2014.

Nếu ông T , bà Đ không thanh toán hết số tiền gốc và lãi trên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản mà ông T , bà Đ đã thế chấp gồm:

(1) Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 45, diện tích 179,30m² do UBND thị xã Đ cấp GCNQSDĐ ngày 11/6/2003 mang tên Hộ ông, bà Phạm Văn T - Trần Thị Đ và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 129m², diện tích sử dụng 258m² tại Phường Đồng Phú, TP Đ , tỉnh Quảng Bình,

(2) Thửa đất số 244, tờ bản đồ số 6, diện tích 458,8m² do UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ ngày 07/5/2012 mang tên ông Phạm Văn T ; tại xã QP , thành phố Đ , tỉnh Quảng Bình,

- *Bị đơn là ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Đ trình bày:* Ông T , bà Đ thừa nhận có vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Chi nhánh L số tiền 3.500.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 234/2014/HĐTD ngày 26/8/2014 và thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như người đại diện của Ngân hàng đã trình bày. Vợ chồng Ông, Bà hẹn đến ngày 31/12/2018 sẽ thanh toán hết số tiền gốc và tiền lãi nêu trên. Trong trường hợp Ông, Bà không thanh toán hết số tiền gốc và tiền lãi thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản mà Ông, Bà đã thế chấp.

- Tại phiên hòa giải ngày 06/8/2018, các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố Đ , tỉnh Quảng Bình lập Biên bản hòa giải thành. Hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập Biên

bản hòa giải thành, nhưng các bên đương sự không có ai thay đổi ý kiến.

- Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2018/QĐST-KDTM ngày 14/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đ , tỉnh Quảng Bình quyết định:

Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

- Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 234/2014/HĐTD ngày 26/8/2014 và theo phụ lục Hợp đồng số 01/2015/PLHĐ-GHHM ngày 21/8/2015. Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Đ phải trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V với tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/8/2018 là: 4.257.518.751 đồng, trong đó nợ gốc là: 3.100.000.000 đồng; lãi trong hạn: 911.288.890 đồng; lãi quá hạn: 246.229.861 đồng.

- Hạn trả số tiền gốc và lãi trên đến ngày 31/12/2018.

- Từ ngày 07/8/2018, ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 234/2014/HĐTD ngày 26/8/2014 và theo phụ lục Hợp đồng số 01/2015/PLHĐ-GHHM ngày 21/8/2015 đã được ký giữa hai bên cho đến khi trả hết số nợ gốc và lãi.

- Sau ngày 31/12/2018 ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Đ không trả hết số tiền gốc và lãi trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý, phát mại toàn bộ số tài sản của ông T , bà Đ đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 234/2014/HĐTC ngày 26/8/2014, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 236/2014/HĐTC ngày 26/8/2014, để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm:

+ Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 45, diện tích 179,30m² do UBND thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11/6/2003 mang tên hộ ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Đ và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 129m², diện tích sử dụng 258m², tại phường Đồng Phú, thành phố Đ , tỉnh Quảng Bình.

+ Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 244 tờ bản đồ số 6, diện tích 458,8m² do UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/5/2012 mang tên ông Phạm Văn T , địa chỉ thửa đất tại xã QP , thành phố Đ , tỉnh Quảng Bình.

- Trường hợp cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp mà số tiền thu được từ việc phát mại số tài sản đã thế chấp không đủ trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V thì ông Phạm Văn T và bà Trần

Thị Đ có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền gốc và lãi còn lại (bao gồm dư nợ gốc và dư nợ lãi) và tiền phát sinh với lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên cho đến khi trả hết số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V ;

- Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết: 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Đ phải chịu án phí 56.128.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.085.359 đồng tại Biên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000534 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ .

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

- Ngày 28/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình có Báo cáo số 2057/VKS-P10 đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên để giải quyết lại phần án phí của ông T theo quy định của pháp luật.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/QĐ-VKS-KDTM ngày 19/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng sửa Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2018/QĐST-KDTM ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ , tỉnh Quảng Bình về phần án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Phạm Văn T với lý do:

+ Theo Giấy chứng minh nhân dân thì ông Phạm Văn T , sinh ngày 19/12/1957. Theo Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009, quy định: “ Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân V từ đủ 60 tuổi trở lên”. Như vậy, tính đến ngày Tòa án nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2018/QĐST-KDTM ngày 14/8/2018, thì ông T đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi.

+ Theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí: a,b,c,d ... đ. Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.”.

Như vậy, ông Phạm Văn T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí, Tòa án nhân dân thành phố Đ đã áp dụng sai quy định của pháp luật nên buộc ông Phạm Văn T là người cao tuổi phải nộp tiền án phí là trái với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn T .

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa quyết định sơ thẩm, miễn án phí cho ông Phạm Văn T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1}. Về quan hệ tín dụng và xử lý tài sản thế chấp: Nội dung này các bên đương sự không có tranh chấp, không bị khiếu nại, kháng nghị nên tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

{2}. Về án phí: Ông Phạm Văn T , sinh ngày 19/12/1957, tại thời điểm thụ lý và giải quyết vụ án, ông T đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi và là đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, tại Điều 14 của Nghị quyết nêu trên, quy định người đề nghị được miễn tiền tạm ứng án phí phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án có thẩm quyền để xem xét. Trong quá trình giải quyết vụ án kinh doanh thương mại nêu trên, ông T không làm đơn xin miễn án phí và cũng không đề cập đến việc xin miễn án phí; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án (kể cả án phí) nên Tòa án lập biên bản hòa giải thành, trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, các đương sự không có ai thay đổi ý kiến (ông T cũng không khiếu nại về án phí) nên Tòa án nhân dân thành phố Đ , tỉnh Quảng Bình ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là đúng quy định tại Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 337; khoản 1 Điều 343 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/QĐ-VKS-KDTM ngày 19/12/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giữ nguyên Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2018/QĐST-KDTM ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ , Quảng Bình về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, giữa nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V với bị đơn là ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Đ;

2. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2018/QĐST-KDTM ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ , tỉnh Quảng Bình tiếp tục có hiệu lực pháp luật thi hành;

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II-Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Tòa án nhân dân TP Đ (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Đ, tỉnh Quảng Bình (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GIÁM ĐỐC THẨM
PHÓ CHÁNH ÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Ngọc Hà